

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

**Khái quát về Công ty**

Công ty cổ phần hàng hải Sài Gòn là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty hàng hải Sài Gòn theo Quyết định số 538/2002/QĐ-BGTVT ngày 01 tháng 3 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000942 ngày 15 tháng 4 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh từ lần thứ 01 đến lần thứ 12 về việc:

- Thành lập các chi nhánh tại Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ.
- Bổ sung các ngành nghề kinh doanh.
- Tăng vốn điều lệ.
- Thay đổi Tổng Giám đốc.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 11 tháng 7 năm 2006 với mã chứng khoán là SHC. Sau đó, Công ty đã chuyển sang niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 15 tháng 6 năm 2009 theo Quyết định số 201/QĐ-TTGDHN ngày 21 tháng 5 năm 2009 của Trung tâm giao dịch Hà Nội (nay là Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội).

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	4.374.000.000	11,79
Các cổ đông khác	32.721.500.000	88,21
<b>Cộng</b>	<b>37.095.500.000</b>	<b>100,00</b>

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại : (84-8)38.261.627

Fax : (84-8)39.404.300

Mã số thuế : 0302590764

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Hà Nội	Phòng 3B1 Toà nhà Hoàn Cầu, 36 Hoàn Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Chi nhánh Hải Phòng	Phòng 1-2 tầng 7, Toà nhà Thành Đạt, 3 Lê Thánh Tôn, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
Chi nhánh Cần Thơ	27 Lê Hồng Phong, phường Trà Nóc, TP. Cần Thơ
Văn phòng đại diện tại An Giang	Quốc lộ 91, phường Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**  
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

---

Hoạt động chính của Công ty là: Dịch vụ môi giới hàng hải, đại lý tàu biển; Chế biến, xuất khẩu nông thủy hải sản; Xây dựng kết cấu hạ tầng dân dụng và bến cảng; Đóng mới, sửa chữa các loại rờ móc, container, tàu, thuyền, xà lan, ca nô; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh nhà ở; Dịch vụ nhà đất; Môi giới bất động sản; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Vận tải đa phương thức (đường biển, đường sông, đường bộ); Khai thác cảng; Mua bán sửa chữa xe ô tô và các loại máy móc; Bảo dưỡng và phụ tùng xe ô tô các loại; Đại lý container; Đại lý giao nhận hàng hóa bằng đường biển, hàng không, đường bộ; Xếp dỡ hàng hóa; Khai thác và cho thuê tàu biển; Kinh doanh vận tải hàng hóa đường biển.

**Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty**

Trong năm 2011, Công ty đã xử lý các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng nợ phải trả liên quan đến sự cố chìm tàu Phú Tân theo biên bản xử lý công nợ được xác nhận giữa các bên.

**Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh**

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 25).

**Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Tổng Giám đốc khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2011 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

***Hội đồng quản trị***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Hữu Chiêu	Chủ tịch	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	15 tháng 5 năm 2009	15 tháng 03 năm 2012
Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	15 tháng 5 năm 2009	-
Ông Nguyễn Trí Hùng	Thường trực	23 tháng 4 năm 2009	-
Ông Lê Phúc Tùng	Thành viên	06 tháng 5 năm 2011	28 tháng 11 năm 2011
Ông Nguyễn Xuân Phú	Thành viên	28 tháng 11 năm 2011	-

***Ban kiểm soát***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Công Phước	Trưởng ban	06 tháng 4 năm 2009	06 tháng 5 năm 2011
Ông Lê Văn Hùng	Trưởng ban	06 tháng 5 năm 2011	-
Ông Nguyễn Hữu Tuấn	Thành viên	06 tháng 5 năm 2011	-
Ông Hoàng Văn Khương	Thành viên	06 tháng 5 năm 2011	-

***Ban Giám đốc***

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Trí Hùng	Tổng Giám đốc	02 tháng 4 năm 2009	01 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Phúc Tùng	Tổng Giám đốc	01 tháng 4 năm 2011	01 tháng 03 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Phó Tổng Giám đốc	03 tháng 01 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Tổng Giám đốc	1 tháng 03 năm 2012	-
Ông Bạch Thái Dũng	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 5 năm 2006	-
Ông Phan Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 5 năm 2006	31 tháng 03 năm 2011
Ông Trương Văn Cường	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 8 năm 2008	01 tháng 12 năm 2011
Ông Hoàng Phong Giao	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 08 năm 2011	31 tháng 03 năm 2012

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

**Xác nhận của Tổng Giám đốc**

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính ;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hàng Hải Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

Thay mặt Tổng Giám đốc,

---

**Nguyễn Thị Vân Anh**

Ngày tháng năm 2012

Số: 0289/2012/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2011**  
**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

**Kính gửi:**      **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần hàng hải Sài Gòn gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 3 năm 2012, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần hàng hải Sài Gòn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)**

---

**Phùng Thị Quang Thái - Phó Tổng Giám đốc**  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0094/KTV*

---

**Lê Thị Thu Nga - Kiểm toán viên**  
*Chứng chỉ kiểm toán viên số: 1182/KTV*

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13,797,639,067</b>	<b>41,358,686,441</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>883,942,889</b>	<b>1,434,050,572</b>
1. Tiền	111		883,942,889	434,050,572
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1,000,000,000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>132,000</b>	<b>132,000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		156,000	156,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(24,000)	(24,000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11,473,999,679</b>	<b>35,597,677,541</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	10,434,027,497	35,639,914,938
2. Trả trước cho người bán	132		2,200,000	33,815,668
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	1,449,700,306	1,308,166,935
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.4	(411,928,124)	(1,384,220,000)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>236,224,085</b>	<b>2,588,343,029</b>
1. Hàng tồn kho	141		236,224,085	2,588,343,029
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,203,340,414</b>	<b>1,738,483,299</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5	465,052,127	236,812,672
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		191,249,634	822,566,227
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	547,038,653	679,104,400

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>26,410,465,442</b>	<b>30,381,889,775</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>24,792,136,604</b>	<b>28,705,796,156</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	24,230,179,604	27,891,171,156
<i>Nguyên giá</i>	222		40,388,968,776	41,941,808,979
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(16,158,789,172)	(14,050,637,823)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	561,957,000	814,625,000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>557,784,472</b>	<b>557,784,472</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.9	1,500,000,000	1,500,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.10	(942,215,528)	(942,215,528)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,060,544,366</b>	<b>1,118,309,147</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	962,965,366	864,730,147
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		97,579,000	253,579,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>40,208,104,509</b>	<b>71,740,576,216</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>32,387,304,406</b>	<b>65,871,319,031</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>27,224,386,882</b>	<b>34,115,951,101</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	8,579,839,564	9,582,770,071
2. Phải trả người bán	312	V.13	7,012,686,666	11,879,430,945
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	485,389,353	534,032,533
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	2,389,132,919	1,580,179,599
5. Phải trả người lao động	315		406,019,168	174,310,913
6. Chi phí phải trả	316	V.16	456,733,863	1,118,304,064
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.17	7,069,506,064	6,969,543,066
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	1,115,780,000
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.18	825,079,285	1,161,599,910
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5,162,917,524</b>	<b>31,755,367,930</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.19	354,915,000	505,239,600
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	4,727,400,000	31,179,560,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		80,602,524	70,568,330
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>7,820,800,103</b>	<b>5,869,257,185</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>7,820,800,103</b>	<b>5,869,257,185</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	37,095,500,000	37,095,500,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	22,360,010,000	22,360,010,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	8,023,053,957	8,023,053,957
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	2,950,576,585	2,950,576,585
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	(62,608,340,439)	(64,559,883,357)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>40,208,104,509</b>	<b>71,740,576,216</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
		<u>                    </u>	<u>                    </u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3,097,549,100	3,097,549,100
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		5,802.91	11,029.19
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2012

---

**Nguyễn Thị Nhơn**  
Người lập biểu

---

**Hoàng Phong Giao**  
Kế toán trưởng

---

**Lê Phúc Tùng**  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	92,807,821,234	126,053,256,980
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	92,807,821,234	126,053,256,980
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	86,081,167,218	118,179,177,389
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6,726,654,016	7,874,079,591
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	937,556,625	449,272,548
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4,319,907,253	11,926,671,052
Trong đó: chi phí lãi vay	23		3,419,469,635	5,577,429,501
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	1,250,033,500	1,807,380,083
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	3,541,120,712	6,151,186,093
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1,446,850,824)	(11,561,885,089)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	4,559,483,672	36,749,411,113
12. Chi phí khác	32	VI.8	1,113,466,303	84,244,487,197
13. Lợi nhuận khác	40		3,446,017,369	(47,495,076,084)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1,999,166,545	(59,056,961,173)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	47,623,627	502,501,769
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>1,951,542,918</u>	<u>(59,559,462,942)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>526</u>	<u>(16,056)</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2012

Nguyễn Thị Nhơn  
Người lập biểu

Hoàng Phong Giao  
Kế toán trưởng

Lê Phúc Tùng  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1,999,166,545	(59,056,961,173)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.7	2,883,105,254	20,181,366,285
- Các khoản dự phòng	03	V.4	411,928,124	2,494,292,391
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	3,611,190,000
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7, VI.8	(446,354,866)	47,092,713,625
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	3,419,469,635	5,577,429,501
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8,267,314,692	19,900,030,629
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24,600,252,078	13,077,834,508
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		2,352,118,944	(2,566,886,919)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(5,551,496,675)	(825,668,640)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(326,474,674)	1,055,546,876
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.16, VI.4	(3,355,332,080)	(5,504,509,763)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(549,861,225)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.6	359,880,000	247,000,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	V.6, V.18	(665,520,625)	(379,072,611)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>25,680,741,660</b>	<b>24,454,412,855</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7	(14,090,909)	(440,648,033)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	1,238,332,073	1,580,575,637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	2,400,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	112,946,667
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1,224,241,164</b>	<b>3,652,874,271</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.12	18,264,776,052	18,749,147,183
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.12, V.20	(45,719,866,559)	(46,738,998,917)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(111,787,500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(27,455,090,507)</b>	<b>(28,101,639,234)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(550,107,683)</b>	<b>5,647,892</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	V.1	<b>1,434,050,572</b>	<b>1,428,402,680</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	V.1	<b>883,942,889</b>	<b>1,434,050,572</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2012

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Nhơn**  
 Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
**Hoàng Phong Giao**  
 Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Lê Phúc Tùng**  
 Tổng Giám đốc

# **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2011**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ cung ứng tàu biển, môi giới hàng hải, đại lý tàu biển. Đại lý container; vận tải đa phương thức (đường biển, đường sông, đường bộ); đại lý giao nhận hàng hóa đường biển, hàng không, đường bộ và cho thuê tàu quốc tế.
- 4. Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 126 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 117 nhân viên).
- 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**  
Trong năm 2011, Công ty đã xử lý các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng nợ phải trả liên quan đến sự cố chìm tàu Phú Tân theo biên bản xử lý công nợ được xác nhận giữa các bên.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

- 1. Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

- 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
- 3. Hình thức kế toán áp dụng**

# CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	07 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 04

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

#### **6. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

#### **7. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

#### **8. Chi phí trả trước dài hạn**

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

##### ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí vật tư sửa chữa xe, sửa chữa tàu. Chi phí này được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### **9. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

#### **10. Trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho nhân viên đối với thời gian đã làm việc tại doanh nghiệp trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích dự phòng trợ cấp thôi việc là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp dự phòng trợ cấp thôi việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

#### **11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

#### **12. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

#### **13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### **14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD  
31/12/2011 : 20.828 VND/USD

#### **15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### 16. Tài sản tài chính

#### **Phân loại tài sản tài chính**

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

*Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### **Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### 17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu



## **CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### ***Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

#### ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

#### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính***

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

#### ***Công cụ vốn chủ sở hữu***

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

#### ***Công cụ tài chính phức hợp***

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyên đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

#### 18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

#### 19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

#### 20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	97.744.621	138.695.661
Tiền gửi ngân hàng	786.198.268	295.354.911
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	-	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>883.942.889</u></b>	<b><u>1.434.050.572</u></b>

<sup>(\*)</sup> Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn không quá 03 tháng.

#### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu cung cấp dịch vụ	10.401.246.221	35.591.574.304
Phải thu chi hộ	32.781.276	48.340.634
<b>Cộng</b>	<b><u>10.434.027.497</u></b>	<b><u>35.639.914.938</u></b>

#### 3. Các khoản phải thu khác

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Phải thu phí quản lý tàu SHC	776.649.358	-	
Phải thu tiền bảo hiểm tiền sửa chữa tàu SHC	-	790.705.173	
Phải thu khác	673.050.948	517.461.762	
<b>Cộng</b>	<b><u>1.449.700.306</u></b>	<b><u>1.308.166.935</u></b>	
<b>4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>			
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>	
Số đầu năm	1.384.220.000	-	
Hoàn nhập trong năm	(1.384.220.000)	-	
Trích lập trong năm	411.928.124	1.384.220.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>411.928.124</u></b>	<b><u>1.384.220.000</u></b>	
<b>5. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>			
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Chi phí bảo hiểm	47.816.347	9.319.250	
Chi phí vật tư tàu và dịch vụ khác	328.499.667	195.833.422	
Công cụ, dụng cụ	87.836.113	1.660.000	
Chi phí khác	900.000	30.000.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>465.052.127</u></b>	<b><u>236.812.672</u></b>	
<b>6. Tài sản ngắn hạn khác</b>			
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Tạm ứng	340.466.653	170.652.400	
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	206.572.000	508.452.000	
<b>Cộng</b>	<b><u>547.038.653</u></b>	<b><u>679.104.400</u></b>	
<b>7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình</b>			
	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	41.459.619.311	482.189.668	41.941.808.979
Mua sắm mới	-	14.090.909	14.090.909
Thanh lý, nhượng bán	(1.566.931.112)	-	(1.566.931.112)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>39.892.688.199</u></b>	<b><u>496.280.577</u></b>	<b><u>40.388.968.776</u></b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.385.977.282	409.201.368	3.795.178.650
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	13.618.796.065	431.841.758	14.050.637.823
Khấu hao trong năm	2.858.892.669	24.212.585	2.883.105.254
Thanh lý, nhượng bán	(774.953.905)	-	(774.953.905)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>15.702.734.829</u></b>	<b><u>456.054.343</u></b>	<b><u>16.158.789.172</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	27.840.823.246	50.347.910	27.891.171.156
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>24.189.953.370</u></b>	<b><u>40.226.234</u></b>	<b><u>24.230.179.604</u></b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 28.696.157.590 VND và 21.082.829.017 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.12).

#### 8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào giá vốn trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
XDCB dở dang	814.625.000	146.900.000	(399.568.000)	-	561.957.000
- <i>Lầu 7 Cao ốc Đình lễ</i>	734.625.000	146.900.000	(399.568.000)	-	481.957.000
- <i>Chi phí thiết kế đóng tàu 84 teus</i>	80.000.000	-	-	-	80.000.000
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	137.525.000	-	(137.525.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>814.625.000</b>	<b>284.425.000</b>	<b>(399.568.000)</b>	<b>(137.525.000)</b>	<b>561.957.000</b>

#### 9. Đầu tư vào công ty con

Đầu tư 100% vốn vào Công ty TNHH Vạn Phú.

Hiện tại, Công ty TNHH Vạn Phú đang làm thủ tục giải thể.

#### 10. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng khoản lỗ của công ty con là Công ty TNHH Vạn Phú.

#### 11. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	363.928.125	650.502.401	(487.435.340)	526.995.186
Chi phí sửa chữa	500.802.022	475.859.907	(540.691.749)	435.970.180
<b>Cộng</b>	<b>864.730.147</b>	<b>1.126.362.308</b>	<b>(1.028.127.089)</b>	<b>962.965.366</b>

#### 12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	8.079.839.564	8.082.770.071
- <i>Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Sài Gòn - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (a)</i>	8.079.839.564	7.148.377.059
- <i>Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh</i>	-	934.393.012
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác (b)	500.000.000	1.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>8.579.839.564</b>	<b>9.582.770.071</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Sài Gòn – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tàu Đông Phương.
- (b) Khoản vay Công ty TNHH một thành viên bất động sản kho vận giao nhận ngoại thương TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 16%/năm.

#### *Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay trả trong năm</u>	<u>Trình bày sang vay dài hạn</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	8.082.770.071	17.664.776.052	(17.267.706.559)	(400.000.000)	8.079.839.564
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	1.500.000.000	600.000.000	(1.600.000.000)	-	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>9.582.770.071</b>	<b>18.264.776.052</b>	<b>(18.867.706.559)</b>	<b>(400.000.000)</b>	<b>8.579.839.564</b>

#### 13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả nhà cung cấp dịch vụ	7.012.686.666	11.879.430.945
<b>Cộng</b>	<b>7.012.686.666</b>	<b>11.879.430.945</b>

#### 14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Vạn Phú	470.389.353	470.389.353
Các khách hàng khác	15.000.000	63.643.180
<b>Cộng</b>	<b>485.389.353</b>	<b>534.032.533</b>

#### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.510.057.699	(667.425.133)	842.632.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp	597.325.889	47.623.627	-	644.949.516
Thuế thu nhập cá nhân	267.887.017	283.991.694	(236.093.128)	315.785.583
Các loại thuế khác	585.765.254	-	-	585.765.254
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	129.201.439	-	(129.201.439)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.580.179.599</b>	<b>1.841.673.020</b>	<b>(1.032.719.700)</b>	<b>2.389.132.919</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cho thuê tàu chạy tuyến quốc tế	0%
- Vận chuyển trong nước	10%
- Cho thuê mặt bằng, thủ tục phí, dịch vụ đại lý tàu	10%

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.999.166.545	(59.056.961.173)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	918.638.996	2.510.692.503
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(1.016.378.990)</u>	<u>-</u>
Thu nhập chịu thuế	1.901.426.551	(56.546.268.670)
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	1.710.932.042	(58.556.275.744)
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản	190.494.509	2.010.007.074
Lỗi các năm trước được chuyển theo tờ khai tự quyết toán thuế năm	(1.710.932.042)	-
Tổng thu nhập tính thuế	190.494.509	2.010.007.074
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	-	-
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản	190.494.509	2.010.007.074
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>47.623.627</u></b>	<b><u>502.501.769</u></b>

#### Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

#### 16. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lương thuyền viên	-	324.048.453
Chi phí lãi vay	64.137.555	72.919.738
Tiền thuê nhà	-	173.181.817
Trích thù lao hội đồng quản trị	284.000.000	-
Các chi phí khác	<u>108.596.308</u>	<u>548.154.056</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>456.733.863</u></b>	<b><u>1.118.304.064</u></b>

#### 17. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	118.056.291	112.556.078
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp	74.436.547	180.739.283
Các khoản thu hộ cước tàu	-	2.263.072.163
Các khoản phải trả liên quan đến thanh lý tàu SHC	1.968.492.064	-
Phải trả liên quan Công ty Sanyo	989.409.000	-
Các khoản phải trả khác	<u>3.923.112.162</u>	<u>4.413.175.542</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>7.069.506.064</u></b>	<b><u>6.969.543.066</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	1.161.599.910
Chi quỹ	(336.520.625)
<b>Số cuối năm</b>	<b>825.079.285</b>

#### 19. Phải trả dài hạn khác

Khoản ký quỹ của khách hàng thuê kho.

#### 20. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để thanh toán tiền mua tàu Đông Phương 68. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp sà lan Đông Phương 68.

##### *Chi tiết số phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:*

Số đầu năm	31.179.560.000
Số tiền vay đã trả	(26.852.160.000)
Trình bày từ vay ngắn hạn sang	400.000.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.727.400.000</b>

Khoản vay này được thanh toán trong vòng 60 tháng từ ngày 24 tháng 8 năm 2009.

#### 21. Vốn chủ sở hữu

##### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 34.

##### *Cổ phiếu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.709.550	3.709.550
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.709.550	3.709.550
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.709.550	3.709.550
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.709.550	3.709.550
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.709.550	3.709.550
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
--	----------------	------------------

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu vận tải đường sông	47.637.414.522	44.457.924.918
Doanh thu đại lý hàng hải	423.741.883	759.825.853
Doanh thu vận chuyển Bắc Nam	36.942.053.046	41.120.390.837
Doanh thu cho thuê tàu biển	-	27.236.021.172
Doanh thu cho thuê kho bãi, giao nhận	6.357.920.939	7.804.207.836
Doanh thu quản lý tàu	537.599.935	-
Doanh thu dịch vụ khác	909.090.909	4.674.886.364
<b>Cộng</b>	<b><u>92.807.821.234</u></b>	<b><u>126.053.256.980</u></b>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn vận tải đường sông	44.648.793.099	40.697.075.214
Giá vốn đại lý hàng hải	304.165.392	340.801.020
Giá vốn vận chuyển Bắc Nam	33.757.482.920	37.292.760.641
Giá vốn cho thuê tàu biển	-	31.852.686.954
Giá vốn cho thuê kho bãi, giao nhận	4.682.334.635	5.938.903.560
Giá vốn quản lý tàu	2.288.823.172	-
Giá vốn dịch vụ khác	399.568.000	2.056.950.000
<b>Cộng</b>	<b><u>86.081.167.218</u></b>	<b><u>118.179.177.389</u></b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
tiền gửi không kỳ hạn	18.901.809	26.241.121
tiền gửi có kỳ hạn	20.200.000	112.946.667
chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	894.327.513	304.377.151
chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.174.861	-
khác	2.952.442	5.707.609
<b>g</b>	<b><u>937.556.625</u></b>	<b><u>449.272.548</u></b>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	3.419.469.635	5.577.429.501
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	900.437.618	2.738.051.551
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	3.611.190.000
<b>Cộng</b>	<b><u>4.319.907.253</u></b>	<b><u>11.926.671.052</u></b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí hoa hồng.		
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.847.911.695	2.048.837.179
Chi phí vật liệu	182.284.395	247.508.447



## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao	52.564.693	115.565.748
Thuế, phí, lệ phí	69.220.122	74.207.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	926.140.743	974.920.818
Chi phí khác	462.999.064	2.690.146.423
<b>Cộng</b>	<b><u>3.541.120.712</u></b>	<b><u>6.151.186.093</u></b>
<b>7. Thu nhập khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	1.238.332.073	36.293.913.637
Cổ tức không ai đến nhận	-	57.787.500
Thu tiền bồi thường bảo hiểm		36.821.653
Thu nhập do chênh lệch thu chi hộ	1.059.641.581	-
Thu bồi thường thiệt hại	304.200.000	-
Bảo hiểm khách hàng bồi thường thân tàu SHC Pioneer	1.162.323.453	-
Phí thuê tàu	190.909.091	-
Xử lý công nợ	113.858.000	
Các khoản thu nhập khác	490.219.474	360.888.323
<b>Cộng</b>	<b><u>4.559.483.672</u></b>	<b><u>36.749.411.113</u></b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định thanh lý, nhượng bán	791.977.207	83.496.235.929
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	3.338.000
Chi phí đền bù tai nạn	-	62.962.878
Tiền phạt thuế	-	592.406.334
Chi phí liên quan đến bồi thường bảo hiểm	167.918.769	-
Xử lý công nợ	8.729.644	
Các khoản chi phí khác	144.840.683	89.544.056
<b>Cộng</b>	<b><u>1.113.466.303</u></b>	<b><u>84.244.487.197</u></b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.951.542.918	(59.559.462.942)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.951.542.918	(59.559.462.942)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.709.550	3.709.550
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>526</u></b>	<b><u>(16.056)</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

#### *Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và bảo hiểm bắt buộc	568.489.800	987.573.680
Phụ cấp và thưởng	113.700.500	-
<b>Cộng</b>	<b><u>682.190.300</u></b>	<b><u>987.573.680</u></b>

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH Vạn Phú – Công ty con

Trong năm, Công ty không có phát sinh nghiệp vụ với Công ty TNHH Vạn Phú.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty TNHH Vạn Phú như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả cung cấp dịch vụ	112.612.710	112.612.710
Ứng trước cước vận chuyển	470.389.353	470.389.353
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>583.002.063</u></b>	<b><u>583.002.063</u></b>

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

### 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

#### *Lĩnh vực kinh doanh*

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Vận tải đường sông.
- Lĩnh vực 02: Đại lý hàng hải.
- Lĩnh vực 03: Vận chuyển Bắc Nam.
- Lĩnh vực 04: Cho thuê tàu biển.
- Lĩnh vực 05: Cho thuê kho bãi, giao nhận.
- Lĩnh vực 06: Dịch vụ khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục đính kèm từ trang 35 đến trang 37.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

#### **Khu vực địa lý**

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### **3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	<b>Giá trị sổ sách</b>		<b>Giá trị hợp lý</b>	
	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	883.942.889	1.434.050.572	883.942.889	1.434.050.572
Đầu tư ngắn hạn	132.000	132.000	132.000	132.000
Phải thu khách hàng	10.022.099.373	34.255.694.938	10.022.099.373	34.255.694.938
Các khoản phải thu khác	1.753.851.306	2.070.197.935	1.753.851.306	2.070.197.935
<b>Cộng</b>	<b>12.660.025.568</b>	<b>37.760.075.445</b>	<b>12.660.025.568</b>	<b>37.760.075.445</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán	7.012.686.666	11.879.430.945	7.012.686.666	11.879.430.945
Vay và nợ	13.307.239.564	40.762.330.071	13.307.239.564	40.762.330.071
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.367.776.619	9.953.745.973	8.367.776.619	9.953.745.973
<b>Cộng</b>	<b>28.687.702.849</b>	<b>62.595.506.989</b>	<b>28.687.702.849</b>	<b>62.595.506.989</b>

### **4. Tài sản đảm bảo**

#### **Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<b>Tài sản thế chấp</b>	<b>Giá trị sổ sách</b>	<b>Điều khoản và điều kiện thế chấp</b>
<b>Số cuối năm</b>		
Phương tiện vận tải		Thế chấp một số tàu Đông Phương nhằm đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Sài Gòn - Chi nhánh Hồ Chí Minh
	21.082.829.017	
<b>Cộng</b>	<b>21.082.829.017</b>	
<b>Số đầu năm</b>		
Phương tiện vận tải		Thế chấp một số tàu Đông Phương nhằm đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Hàng hải Sài Gòn - Chi nhánh Hồ Chí Minh
	16.848.472.793	
<b>Cộng</b>	<b>16.848.472.793</b>	

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **5. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ hối đoái và các công cụ tài chính khác).

#### **Phải thu khách hàng**

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

#### **Tiền gửi ngân hàng**

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam.

## 6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro tài chính thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay và nợ	8.579.839.564	4.727.400.000	-	13.307.239.564
Phải trả người bán	7.012.686.666	-	-	7.012.686.666
Các khoản phải trả, phải nộp khác	7.932.259.095	435.517.524	-	8.367.776.619
<b>Cộng</b>	<b>23.524.785.325</b>	<b>5.162.917.524</b>	<b>-</b>	<b>28.687.702.849</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay và nợ	9.582.770.071	31.179.560.000	-	40.762.330.071
Phải trả người bán	11.879.430.945	-	-	11.879.430.945
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.377.938.043	575.807.930	-	9.953.745.973
<b>Cộng</b>	<b>30.840.139.059</b>	<b>31.755.367.930</b>	<b>-</b>	<b>62.595.506.989</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 7. Rủi ro thị trường

## CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

#### **Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, độ nhạy của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá USD như sau:

	<b>Thay đổi tỷ giá USD (%)</b>	<b>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</b>
<b>Năm nay</b>	2%	(58.615.338)
	-2%	58.615.338
<b>Năm trước</b>	2%	(42.312.592)
	-2%	42.312.592

#### **Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với giả định các biến số khác không thay đổi, biến động của lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đối với thay đổi của lãi suất đối với các khoản vay có lãi suất thả nổi như sau:

	<b>Thay đổi lãi suất (%)</b>	<b>Ảnh hưởng đến Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu</b>
<b>Năm nay</b>	2%	(192.108.593)
	-2%	192.108.593
<b>Năm trước</b>	2%	(588.934.951)
	-2%	588.934.951

Mức thay đổi lãi suất sử dụng để phân tích được giả định trên điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2012

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Nhon**  
Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
**Hoàng Phong Giao**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Lê Phúc Tùng**  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

	<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm nay	37,095,500,000	22,360,010,000	(2,101,520,000)	8,023,053,957	2,950,576,585	(5,000,420,415)	63,327,200,127
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	(59,559,462,942)	(59,559,462,942)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	2,101,520,000	-	-	-	2,101,520,000
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>37,095,500,000</b>	<b>22,360,010,000</b>	<b>-</b>	<b>8,023,053,957</b>	<b>2,950,576,585</b>	<b>(64,559,883,357)</b>	<b>5,869,257,185</b>
Số dư đầu năm nay	37,095,500,000	22,360,010,000	-	8,023,053,957	2,950,576,585	(64,559,883,357)	5,869,257,185
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	1,951,542,918	1,951,542,918
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>37,095,500,000</b>	<b>22,360,010,000</b>	<b>-</b>	<b>8,023,053,957</b>	<b>2,950,576,585</b>	<b>(62,608,340,439)</b>	<b>7,820,800,103</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2012

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Nhơn**  
 Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
**Hoàng Phong Giao**  
 Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Lê Phúc Tùng**  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	<u>Vận tải đường sông</u>	<u>Vận chuyển Bắc Nam</u>	<u>Cho thuê tàu biển</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	47,637,414,522	36,942,053,046	-	8,228,353,666	92,807,821,234
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>47,637,414,522</b>	<b>36,942,053,046</b>	<b>-</b>	<b>8,228,353,666</b>	<b>92,807,821,234</b>
Chi phí bộ phận	46,398,958,843	35,293,754,288		9,179,608,298	90,872,321,430
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1,238,455,679	1,648,298,758	-	(951,254,632)	1,935,499,804
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					1,935,499,804
Doanh thu hoạt động tài chính					937,556,625
Chi phí tài chính					(4,319,907,253)
Thu nhập khác					4,559,483,672
Chi phí khác					(1,113,466,303)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(47,623,627)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>1,951,542,918</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>35,341,602,244</b>	<b>4,095,540,098</b>	<b>-</b>	<b>951,826,434</b>	<b>40,388,968,776</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2,542,088,101</b>	<b>282,074,858</b>	<b>-</b>	<b>58,942,295</b>	<b>2,883,105,254</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh****Năm trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	44,457,924,918	41,120,390,837	27,236,021,172	13,238,920,053	126,053,256,980
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>44,457,924,918</b>	<b>41,120,390,837</b>	<b>27,236,021,172</b>	<b>13,238,920,053</b>	<b>126,053,256,980</b>
Chi phí bộ phận	42,088,721,034	41,735,962,891	32,421,628,088	9,891,431,552	126,137,743,565
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2,369,203,884	(615,572,054)	(5,185,606,916)	3,347,488,501	(84,486,585)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(84,486,585)
Doanh thu hoạt động tài chính					449,272,548
Chi phí tài chính					(11,926,671,052)
Thu nhập khác					36,749,411,113
Chi phí khác					(84,244,487,197)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(502,501,769)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>(59,559,462,942)</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>35,341,602,244</b>	<b>4,624,846,210</b>	<b>136,223,277,843</b>	<b>1,960,106,275</b>	<b>178,149,832,572</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>2,700,152,797</b>	<b>323,345,676</b>	<b>17,035,567,217</b>	<b>122,300,595</b>	<b>19,673,044,395</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2012

---

 Nguyễn Thị Nhơn  
 Người lập biểu

---

 Hoàng Phong Giao  
 Kế toán trưởng

---

 Lê Phúc Tùng  
 Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI SÀI GÒN**

Địa chỉ: 422 Nguyễn Tất Thành, phường 8, quận 4, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

	<u>Vận tải đường sông</u>	<u>Vận chuyển Bắc Nam</u>	<u>Cho thuê tàu biển</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
<b>Số cuối năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	20,638,456,072	16,004,792,591	-	3,564,855,847	40,208,104,509
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					-
<b>Tổng tài sản</b>					<b>40,208,104,509</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	16,624,110,174	12,891,731,553	-	2,871,462,678	32,387,304,406
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>32,387,304,406</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	25,302,298,627	23,402,810,872	15,500,812,113	7,534,654,604	71,740,576,216
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					-
<b>Tổng tài sản</b>					<b>71,740,576,216</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	23,232,260,918	21,488,174,510	14,232,655,964	6,918,227,639	65,871,319,031
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					-
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>65,871,319,031</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2012

\_\_\_\_\_  
**Nguyễn Thị Nhon**  
 Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
**Hoàng Phong Giao**  
 Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**Lê Phúc Tùng**  
 Tổng Giám đốc